

KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND PRACTICES ON PREVENTION OF OCCUPATIONAL EXPOSURE TO BLOOD AND BODY FLUIDS AMONG NURSES AT VINMEC TIMES CITY INTERNATIONAL HOSPITAL

Pham Van Dong*, Nguyen Thi Hang, Tang Xuan An,
Mai Van Chuyen, Nguyen Phuc Phong, Nguyen Thanh Tra

Vinmec Times City International General Hospital - 458 Minh Khai, Times City Urban Area, Vinh Tuy Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 02/09/2025

Revised: 27/09/2025; Accepted: 09/10/2025

ABSTRACT

This study aimed: To describe the knowledge, attitudes, and practices of nurses regarding the prevention of occupational exposure to blood and body fluids from patients at Vinmec Times City International Hospital in 2025.

Research subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 205 nurses working in clinical departments of Vinmec Times City International Hospital from January to August 2025. The data collection tool consisted of four parts: (1) sociodemographic characteristics; (2) knowledge and attitudes toward blood and body fluid exposure prevention; and (3) practice checklists on standard handwashing, alcohol-based hand disinfection, and safe injection techniques. Data were processed using SPSS software, with descriptive analyses including percentages, means, and standard deviations.

Results: The findings indicated that 82.4% of nurses achieved a satisfactory level of knowledge, with a mean score of 15.8 (± 3.4) out of 26 points. However, only 14.1% demonstrated correct understanding of the purpose of standard precautions. A positive attitude toward exposure prevention was observed in 91.7% of nurses, with a mean score of 49.63 (± 4.02) out of 60 points. Regarding practice, 86.3% met satisfactory levels, with compliance rates of 93.2% for standard handwashing (mean 18.12/20 points), 96.6% for alcohol-based hand disinfection (mean 18.60/20 points), and 92.7% for safe injection techniques (mean 58.17/65 points).

Conclusions: Overall, nurses at Vinmec Times City International Hospital demonstrated high levels of knowledge, attitudes, and practices concerning the prevention of exposure to blood and body fluids. Continuous training and supervision are recommended to ensure consistent and comprehensive improvement across all areas.

Keywords: Knowledge, Attitudes, Practices, Occupational Exposure Prevention, Blood and Body Fluids.

*Corresponding author

Email: pvd.2a.1989@gmail.com Phone: (+84) 979014980 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3668>

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH DỰ PHÒNG PHƠI NHIỄM VỚI MÁU VÀ DỊCH CƠ THỂ CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC TIMES CITY

Phạm Văn Đông*, Nguyễn Thị Hằng, Tăng Xuân An,
Mai Văn Chuyên, Nguyễn Phúc Phóng, Nguyễn Thanh Trà

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City - 458 Minh Khai, Khu đô thị Times City, P. Vĩnh Tuy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 02/09/2025

Ngày sửa: 27/09/2025; Ngày đăng: 09/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành của điều dưỡng viên về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể từ người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City năm 2025.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 205 điều dưỡng viên, tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, từ tháng 01 đến tháng 08 năm 2025. Bộ công cụ thu thập số liệu gồm 4 phần: đặc điểm nhân khẩu – xã hội học; kiến thức, thái độ dự phòng phơi nhiễm máu và dịch cơ thể; Bảng kiểm thực hành: rửa tay thường quy, sát khuẩn tay nhanh và an toàn trong tiêm truyền. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS, sử dụng phân tích mô tả tỷ lệ phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn.

Kết quả nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ điều dưỡng có mức đạt về kiến thức là 82,4%, với điểm trung bình 15,8 ($\pm 3,4$)/26 điểm, kiến thức đúng về mục đích phòng ngừa chuẩn thấp (14,1%). Tỷ lệ điều dưỡng thái độ đạt (tích cực) là 91,7%, với điểm trung bình 49,63 ($\pm 4,02$)/60 điểm. Tỷ lệ điều dưỡng có thực hành ở mức đạt là 86,3%, trong đó tỷ lệ thực hành đạt về quy trình rửa tay thường quy là 93,2% (trung bình 18,12/20 điểm); sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn là 96,6% (trung bình 18,60/20 điểm) và kỹ thuật tiêm truyền là 92,7% (trung bình 58,17/65 điểm).

Kết luận: Điều dưỡng viên tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City nhìn chung có kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể ở mức cao, song vẫn cần duy trì đào tạo và giám sát để nâng cao đồng đều hơn.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, dự phòng phơi nhiễm máu và dịch cơ thể.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể trong môi trường y tế là nguy cơ nghề nghiệp quan trọng đối với nhân viên y tế (NVYT). Theo WHO (2002), hàng năm có khoảng 3 triệu NVYT tiếp xúc với tác nhân gây bệnh qua đường máu, trong đó ghi nhận hàng chục nghìn ca nhiễm HBV, HCV và HIV, phần lớn xảy ra tại các quốc gia đang phát triển [1]. Do đặc thù công việc thường xuyên tiếp xúc với vật sắc nhọn, dịch cơ thể của người bệnh điều dưỡng – lực lượng chiếm số đông trong hệ thống y tế – là nhóm có nguy cơ cao nhất [2]. Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tỷ lệ phơi nhiễm và tình trạng kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) của điều dưỡng về dự phòng phơi nhiễm

còn hạn chế. Nghiên cứu tại Huế cho thấy tỷ lệ thực hành không đúng còn cao tới 21,7% [3]; trong khi nghiên cứu tại Bệnh viện Bưu Điện ghi nhận tỷ lệ kiến thức đạt chuẩn chỉ 23,3%, thái độ tích cực 54,4% và thực hành đúng 65% [4]. Những bằng chứng này cho thấy vẫn còn khoảng trống đáng kể trong việc nâng cao KAP nhằm dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City có đội ngũ điều dưỡng đông đảo, trực tiếp chăm sóc người bệnh và đối mặt nguy cơ phơi nhiễm. Tuy đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo, giám sát, nhưng hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá hệ thống về KAP của điều dưỡng tại đây. Do vậy, nghiên cứu này

*Tác giả liên hệ

Email: pvd.2a.1989@gmail.com Điện thoại: (+84) 979014980 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3668>

được tiến hành với mục tiêu: *Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành của điều dưỡng viên về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể từ người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City năm 2025.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Điều dưỡng viên đang công tác tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, có sự đồng ý và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2.2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến tháng 08/2025

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu, chọn mẫu: Cỡ mẫu được xác định theo công thức tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ trong nghiên cứu mô tả cắt ngang.

$$n = Z^2 \frac{p(1 - p)}{d^2}$$

Với các tham số: Độ tin cậy 95% ($\alpha = 0,05$; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$). Sai số mong muốn $d = 0,06$. Tỷ lệ $p = 0,54$ (tỷ lệ điều dưỡng tại Bệnh viện Bưu Điện có thái độ tích cực về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể) [4]. Kết quả tính cỡ mẫu tối thiểu $n = 195$. Sau khi dự phòng 5% sai số, tổng số mẫu cần chọn là 205. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được áp dụng. Khung chọn mẫu gồm toàn bộ điều dưỡng viên đang làm việc tại các khoa lâm sàng trong thời gian nghiên cứu. Mẫu được phân tầng theo khối nội, khối ngoại. Số mẫu ở mỗi tầng được phân bổ tỷ lệ thuận với tổng số điều dưỡng viên của từng tầng. Trong mỗi tầng, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản được sử dụng để lựa chọn điều dưỡng viên tham gia nghiên cứu dựa trên danh sách nhân sự hiện có.

Biến số nghiên cứu: Các nhóm biến số chính: Đặc điểm nhân khẩu – xã hội (tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, đơn vị công tác, thâm niên); kiến thức (đạt/chưa đạt), thái độ (tích cực/chưa tích cực), thực hành (đạt/chưa đạt) trong dự phòng phơi nhiễm máu và dịch cơ thể.

Công cụ nghiên cứu Phần A: Thông tin nhân khẩu – xã hội học (10 câu hỏi). Phần B: Kiến thức về dự phòng phơi nhiễm máu, dịch cơ thể (12 câu hỏi). Phần C: Thang đo thái độ dự phòng phơi nhiễm (20 câu hỏi, chia thành 4 nhóm thái độ, sử dụng thang Likert 3 mức), tham khảo nghiên cứu của Nguyễn Thị

Mỹ Phương [4], Che Henry Ngwa (2016) và Teshiwal Deress Yazie (2019) [5], [6]. Phần D: Bảng kiểm thực hành dự phòng phơi nhiễm gồm 3 quy trình: rửa tay thường quy, sát khuẩn tay nhanh và đảm bảo an toàn trong kỹ thuật tiêm truyền, dựa trên quy trình chuẩn của Bệnh viện Vinmec Times City.

Phương pháp thu thập số liệu: Kiến thức, thái độ: sử dụng bảng hỏi tự điền có kiểm soát. Thực hành: đánh giá qua quan sát trực tiếp bằng bảng kiểm. Điều tra viên gồm 02 người: điều dưỡng trưởng và nghiên cứu viên.

Tiêu chuẩn đánh giá: Kiến thức: 12 câu hỏi, tổng điểm 26 (một số câu hỏi nhiều lựa chọn, mỗi lựa chọn trả lời đúng được 1 điểm, sai không được điểm); đạt khi tổng điểm $> 50\%$ [4] [6]. Thái độ: 20 câu hỏi, tổng điểm 60 (Likert 3 mức); thái độ tích cực khi đạt $> 50\%$ [4] [6]. Thực hành: Đánh giá mức đạt khi đạt cả 3 kỹ thuật. Từng kỹ thuật đạt khi tổng điểm đánh giá $\geq 75\%$ số điểm tối đa của quy trình [4].

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.0. Sử dụng phần mềm SPSS20.0 phân tích số liệu mô tả tỷ lệ %, trung bình độ lệch chuẩn.

Đạo đức nghiên cứu: Đề cương nghiên cứu đã được Hội đồng xét duyệt đề cương Trường Đại học Thăng Long phê duyệt theo Quyết định số 25021302/QĐ-ĐHTL ngày 13/02/2025 và được sự đồng ý của Ban lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu của đối tượng nghiên cứu (n=205)

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	34	16,6
	Nữ	171	83,4
Thâm niên công tác	≤ 5 năm	29	14,1
	6-10 năm	90	43,9
	>10 năm	86	42,0
Tuổi	Trung bình ($\pm$ SD)	Nhỏ nhất - Lớn nhất	
	34,9 ($\pm$ 5,5 tuổi)	22 - 50	

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là nữ (83,4%), độ tuổi trung bình $34,9 \pm 5,5$ (từ 22–50 tuổi). Phần lớn điều dưỡng có thâm niên công tác từ 6–10 năm (43,9%)

Bảng 2. Đặc điểm tập huấn, phơi nhiễm của đối tượng nghiên cứu (n=205)

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Tiêm phòng vaccine viêm gan B	Đã tiêm đầy đủ	193	94,1
	Chưa tiêm	7	3,4
	Không nhớ rõ	5	2,4
Tập huấn trong 1 năm qua	Có	139	67,8
	Không	66	32,2
Phơi nhiễm trong 1 năm qua	Có	29	14,1
	Không	176	85,9
Đã từng bị phơi nhiễm	Có	145	70,7
	Không	40	29,3

Phần lớn điều dưỡng đã được tiêm phòng đầy đủ vaccine viêm gan B (94,1%) và có tham gia tập huấn trong năm qua (67,8%). Tuy nhiên, 14,1% bị phơi nhiễm trong vòng 1 năm gần đây và có tới 70,7% đã từng bị phơi nhiễm trong quá trình công tác.

Bảng 3. Đặc điểm kiến thức dự phòng, xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể (n=205)

Nội dung	Số lượng (%)
Kiến thức dự phòng về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	
Mục đích phòng ngừa chuẩn	29 (14,1)
Nội dung không áp dụng trong vệ sinh tay thường quy	90 (43,9)
Tiếp xúc với người bệnh và môi trường nhiễm khuẩn	204 (99,5)
Tiếp xúc trực tiếp với máu, dịch cơ thể	92 (44,9)
Nguy cơ bắn dịch lên cơ thể	43 (21,0)
Nguy cơ bắn dịch lên cơ thể vào mặt	80 (39,0)
Biện pháp phòng ngừa khi tiếp xúc với NB	81 (39,5)
Khi lấy máu tĩnh mạch để làm xét nghiệm	155 (75,6)
Phương pháp phòng ngừa lây nhiễm khi chăm sóc NB	55 (26,8)
Phương tiện phòng hộ cá nhân khi làm thủ thuật cho NB	58 (28,3)
Biện pháp phòng ngừa lây nhiễm lao	45 (22,0)

Nội dung	Số lượng (%)
Kiến thức xử trí khi phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	
Phương pháp xử lý phơi nhiễm do kim tiêm hay vật sắc nhọn	193 (94,1)
Xử lý khi máu hoặc dịch cơ thể bắn vào vùng da tổn thương	92 (44,9)
Phương pháp xử lý khi máu hoặc dịch cơ thể bắn vào mắt	133 (64,9)
Phương pháp xử lý khi máu hoặc dịch cơ thể bắn vào miệng	103 (50,2)
Điểm trung bình kiến thức	15,8±3,4 (7 – 23)

Điều dưỡng có kiến thức tốt về một số nội dung như xử trí phơi nhiễm do vật sắc nhọn (94,1%) và nguy cơ tiếp xúc môi trường nhiễm khuẩn (99,5%). Tuy nhiên, nhiều nội dung quan trọng như mục đích phòng ngừa chuẩn (14,1%), biện pháp khi chăm sóc người bệnh (26,8%) và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (28,3%) còn hạn chế.

Bảng 4. Đặc điểm thái độ về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể của điều dưỡng viên (n=205)

Đặc điểm thái độ	Không đồng ý n (%)	Không đồng ý không phản bác n (%)	Đồng ý n (%)
Thái độ về mức độ tổn hại khi phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể			
Có thể phơi nhiễm 20 bệnh lây truyền	8 (3,9)	10 (4,9)	187 (91,2)
Gây căng thẳng cho điều dưỡng	7 (3,4)	15 (7,3)	183 (89,3)
Ảnh hưởng công việc của điều dưỡng	5 (2,4)	21 (10,2)	179 (87,3)
Tổn thất thời gian và kinh phí điều trị	4 (2,0)	19 (9,3)	182 (88,8)
Thái độ về hậu quả khi bị phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể			
Rất ít nguy cơ bị phơi nhiễm với máu	103 (50,2)	58 (28,3)	44 (21,5)
Rất ít nguy cơ bị lây truyền bệnh	113 (55,1)	56 (27,3)	36 (17,6)
Không lo lắng, căng thẳng	124 (60,5)	51 (24,9)	30 (14,6)
Không ảnh hưởng đến công việc	144 (70,2)	27 (13,2)	34 (16,6)

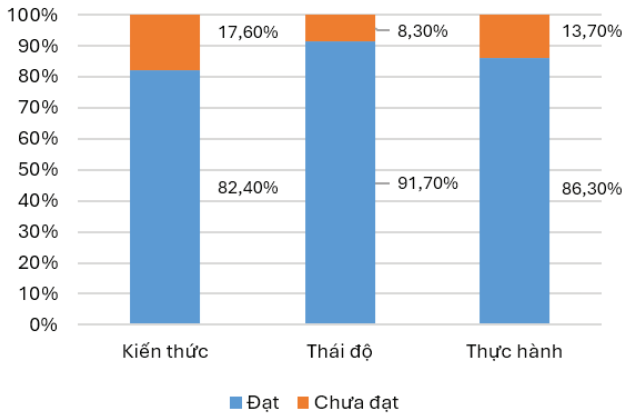
Đặc điểm thái độ	Không đồng ý n (%)	Không đồng ý không phản bác n (%)	Đồng ý n (%)
Thái độ về hiệu quả của các biện pháp dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể			
Vệ sinh tay thường xuyên	20 (9,7)	11 (5,4)	174 (84,9)
Sử dụng phương tiện phòng hộ	4 (2,0)	9 (4,4)	192 (93,7)
Vệ sinh hô hấp và vệ sinh khi ho	7 (3,4)	18 (8,8)	180 (87,8)
Sắp xếp người bệnh	12 (5,8)	19 (9,3)	174 (84,9)
Phòng ngừa tổn thương VSN	4 (2,0)	8 (3,9)	193 (94,1)
Vệ sinh môi trường	12 (5,9)	10 (4,8)	183 (89,3)
Xử lý dụng cụ và chất thải	5 (2,4)	2 (1,0)	198 (96,6)
Thái độ về khó khăn khi thực hiện dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể			
Dự phòng phơi nhiễm	130 (63,4)	51 (24,9)	24 (11,7)
Không đủ kiến thức	148 (72,2)	37 (18,0)	24 (11,7)
Không đủ thời gian	140 (68,3)	39 (19,0)	26 (12,7)
NB không hợp tác	107 (52,2)	39 (19,0)	59 (28,8)
Nhân sự tại bệnh viện	77 (37,6)	33 (16,1)	95 (46,3)
Điểm trung bình đánh giá thái độ	49,63 (±4,02)/60 (33 - 60)		

Phần lớn ĐD có thái độ tích cực đối với dự phòng phơi nhiễm, đặc biệt về sử dụng phương tiện phòng hộ và xử lý chất thải (>90%). Một số vẫn đánh giá nguy cơ phơi nhiễm thấp và gặp khó khăn do thiếu kiến thức, thời gian hoặc sự hợp tác của người bệnh.

Bảng 5. Đặc điểm thực hành dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể của điều dưỡng viên (n=205)

Thực hành dự phòng phơi nhiễm	Đạt n (%)	Không đạt n (%)	Điểm trung bình (±SD)
Thực hành quy trình rửa tay thường quy	191 (93,2)	14 (6,8)	18,12 ±3,03 (10-20)
Thực hành quy trình sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn	198 (96,6)	7 (3,4)	18,60±1,82/20 (10 – 20)
Thực hành quy trình kỹ thuật tiêm truyền	190 (92,7)	15 (7,3)	58,17 ±7,23 (32 - 65)

Đa số ĐD thực hành đúng các quy trình dự phòng phơi nhiễm, với tỷ lệ đạt rất cao: rửa tay thường quy 93,2%, sát khuẩn tay nhanh 96,6% và kỹ thuật tiêm truyền 92,7%



Biểu đồ 1. Phân loại mức độ đạt kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng phơi nhiễm máu, dịch cơ thể của điều dưỡng viên (n=205)

Phần lớn ĐD có kiến thức (82,4%), thái độ tích cực (91,7%) và thực hành đạt yêu cầu (86,3%) về dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy 82,4% điều dưỡng có kiến thức đạt yêu cầu, điểm trung bình 15,8 ± 3,4, phản ánh mức nhận thức tương đối tốt trong dự phòng phơi nhiễm tại Vinmec Times City. Tỷ lệ này cao hơn rõ rệt so với các nghiên cứu trong nước như Nguyễn Thị Mỹ Phương (2023, 23,3%) [4] hay Đinh Lê Nhật Thanh (2024, 3,4%) [7], và tương đương với báo cáo quốc tế của Yazie et al. (2019, 81,6%) [6]. Tuy

vậy, vẫn còn 17,6% điều dưỡng chưa đạt kiến thức cần thiết, gợi ý nguy cơ phơi nhiễm và xử trí không kịp thời như nhận định của Zhang et al. (2022) [8]. Do đó, việc đào tạo liên tục, cập nhật tình huống lâm sàng và giám sát chặt chẽ là cần thiết để nâng cao kiến thức, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa “biết” và “thực hành” trong dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp.

Kết quả tỷ lệ thái độ tích cực rất cao (91,7%) cho thấy phần lớn điều dưỡng tại Vinmec Times City đã nhận thức rõ nguy cơ phơi nhiễm và tầm quan trọng của các biện pháp dự phòng. Điều này phản ánh sự khác biệt đáng kể giữa môi trường đào tạo, thực hành lâm sàng và hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn tại các bệnh viện tư nhân có tiêu chuẩn cao so với một số cơ sở công lập hoặc nhóm sinh viên điều dưỡng chưa có nhiều kinh nghiệm lâm sàng [7]. Tuy nhiên, nhóm nhỏ 8,3% có thái độ chưa tích cực là một điểm cần chú ý. Đây có thể là hệ quả của áp lực công việc, thói quen chủ quan hoặc nhận thức chưa đầy đủ về quy trình báo cáo và xử trí khi phơi nhiễm. Theo Zhang et al. (2022), chính nhóm nhân viên này thường dễ bỏ qua quy định, không báo cáo sự cố, từ đó làm tăng nguy cơ lây nhiễm nghề nghiệp [8]. Điều này nhấn mạnh rằng bên cạnh đào tạo định kỳ, bệnh viện cần áp dụng các biện pháp giám sát chặt chẽ, khuyến khích văn hóa an toàn người bệnh, tạo điều kiện để nhân viên y tế báo cáo sự cố mà không lo ngại áp lực hành chính. Đồng thời, các chương trình tập huấn nên lồng ghép tình huống thực tế, thảo luận ca bệnh và chia sẻ kinh nghiệm để củng cố thái độ tích cực thành hành vi bền vững trong thực hành hàng ngày.

Tỷ lệ thực hành đạt yêu cầu cao trong nghiên cứu này cho thấy sự nhất quán giữa kiến thức, thái độ và hành vi của điều dưỡng tại Vinmec Times City. Điều này chứng minh các hoạt động đào tạo định kỳ, giám sát tuân thủ và đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị đã phát huy hiệu quả thực tế. Tuy nhiên, thực tế lâm sàng cho thấy vẫn tồn tại “khoảng trống” giữa nhận thức và hành vi, nhất là trong những tình huống áp lực công việc cao hoặc thiếu giám sát trực tiếp. Nhóm 13,7% chưa đạt thực hành cần được phân tích sâu để tìm ra nguyên nhân: có thể do thói quen nghề nghiệp, tâm lý chủ quan, khối lượng công việc lớn hoặc sự chưa đồng đều giữa các khoa. Theo Zhang et al. (2022), việc chỉ một nhân viên không tuân thủ cũng có thể tạo ra lỗ hổng an toàn cho toàn bộ quy trình chăm sóc [8]. Do đó, thay vì chỉ đào tạo chung, bệnh viện nên triển khai các chương trình tập huấn chuyên biệt cho từng khoa nguy cơ cao, kết hợp đánh giá thực hành trực tiếp và phản hồi ngay tại chỗ. Ngoài ra, xây dựng văn hóa an toàn, khuyến khích báo cáo sự cố mà không bị phê phán cũng là giải pháp quan trọng để duy trì thực hành đúng một cách bền vững. Điều này giúp không chỉ nâng cao sự tuân thủ của từng cá nhân mà còn tạo nên môi trường làm việc an toàn, hỗ trợ lẫn nhau trong toàn bộ hệ thống.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy đa số điều dưỡng tại Bệnh viện Vinmec Times City có kiến thức (82,4%), thái độ tích cực (91,7%) và thực hành đạt yêu cầu (86,3%) trong dự phòng phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể. Kết quả phản ánh hiệu quả của hệ thống đào tạo, giám sát và môi trường làm việc chuyên nghiệp tại bệnh viện. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ điều dưỡng chưa đạt, cần được tập huấn chuyên sâu, tăng cường giám sát và xây dựng văn hóa an toàn để đảm bảo an toàn nghề nghiệp và chất lượng chăm sóc người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization. (2002). The world health report 2002: Reduce risk, promoting healthy life. Geneva.
- [2] Rapisarda, V., et al. (2019). Incidence of sharp and needle-stick injuries and mucocutaneous blood exposure among healthcare workers. *Future Microbiology*, 14(9s), 27-31.
- [3] Trần Đình Bình, Trần Doãn Hiếu và cs (2020). Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế đối với sự phơi nhiễm, lây nhiễm với máu và dịch tiết từ bệnh nhân tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. *Tạp chí Y Dược Lâm Sàng*, 15(7), 108.
- [4] Nguyễn Thị Mỹ Phương. (2023). Kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với máu và dịch cơ thể của điều dưỡng tại Bệnh viện Bưu điện năm 2023 (Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng). Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- [5] Ngwa, C. H. (2016). Assessment of the knowledge, attitude and practice of health care workers in Fako Division on post exposure prophylaxis to blood borne viruses: a hospital based cross-sectional study. *The Pan African Medical Journal*, 31, 108.
- [6] Yazie, T. D., Sharew, G. B., & Abebe, W. (2019). Knowledge, attitude, and practice of health-care professionals regarding infection prevention at Gondar University referral hospital, northwest Ethiopia: a cross-sectional study. *BMC Research Notes*, 12(1), 563.
- [7] Đình Lê Nhật Thanh. (2023). Kiến thức, thái độ về dự phòng phơi nhiễm với máu/dịch tiết cơ thể của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 534(1).
- [8] Zhang, L., Li, Q., Guan, L., Fan, L., Li, Y., Zhang, Z., & Yuan, S. (2022). Prevalence and influence factors of occupational exposure to blood and body fluids in registered Chinese nurses: a national cross-sectional study.